**BÀI 10 . VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 9

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

Sau bài học này, giúp học sinh:

**1. Kiến thức**

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.

- Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông –

lâm – thuỷ sản; vấn đề phát triển kinh tế biển.

- Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng.

- Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội.

- Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đổng bằng sông Hồng.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: tự đọc sách và học liệu tham khảo, chủ động trong làm việc nhóm.

- Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vẽ sơ đồ, trả lời câu hỏi, …

**\* Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học địa lí: học sinh sử dụng được các công cụ của địa lí học như bản đồ, lược đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, video, ...

- Khai thác Internet phục vụ môn học: lấy thông tin liên quan đến nội dung của bài trên các web.

- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn liên quan.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ và có trách nhiệm tham gia học tập, làm các bài tập, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong nhóm và tự học tích cực.

- Yêu nước và nhân ái: thông qua việc yêu vẻ đẹp tự nhiên của đất nước và tôn trọng tự nhiên, tôn trọng thành quả của con người trong phát triển kinh tế.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Giáo viên**

- Bảng nhóm, bút lông.

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập, các trò chơi.

- Một số hình ảnh/video về địa hình, sông ngòi, du lịch của vùng.

- Bản đồ tự nhiên và kinh tế vùng.

1. **Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi.

- Giấy note làm bài tập trên lớp.

- Atlat Địa lí Việt Nam.

- Giấy A3; bút lông màu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (… phút)**

*a) Mục tiêu:*

- Huy động kiến thức hiểu biết của học sinh về các tỉnh ở Đồng bằng sông Hồng thông qua hoạt động trò chơi thú vị, thu hút học sinh tập trung vào giờ học.

- Tạo không khí vui tươi, hào hứng.

*b) Nội dung:* HS được yêu cầu chơi trò chơi Ong tìm chữ.

*c) Sản phẩm:* Đáp án trong phiếu Word search vàcâu trả lời miệng của HS.

## *d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

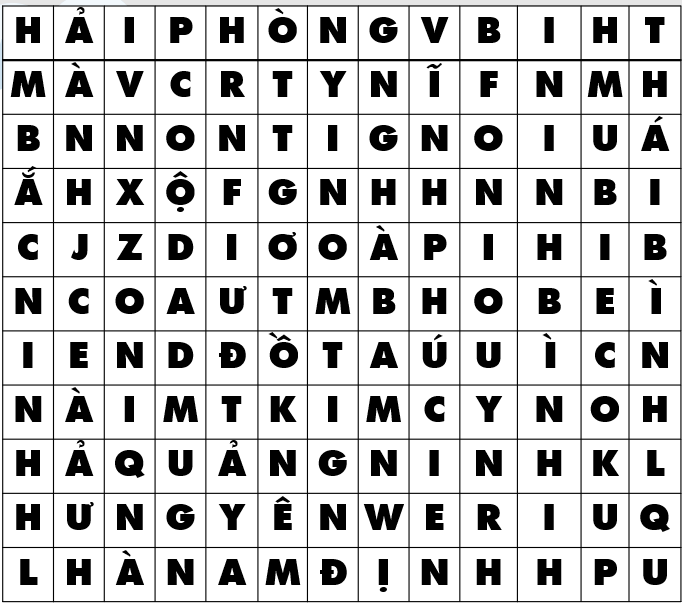
+ GV chia lớp thành 4 - 6 nhóm (mỗi nhóm tối đa 6 HS).

+ Mỗi nhóm được phát 1 phiếu Word Search.

+ Tìm và gạch vào tên các tỉnh của nước ta theo hàng ngang, dọc, chéo.

+ Thời gian: 2 phút.

+ Hết giờ, đổi bài chấm chéo.

**

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS tìm và gạch tên nhanh vào phiếu trong 2 phút.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ Các nhóm đổi bài chấm chéo.

+ Nhóm 1, 2 đổi bài, nhóm 3, 4 đổi bài, nhóm 5, 6 đổi bài cho nhau.

+ Dò với đáp án GV đưa ra để chấm chéo, ghi số câu trả lời đúng vào phiếu cho nhóm bạn.

+ Đọc đáp án của nhóm bạn.



**- Kết luận, nhận định:**

+ GV khen ngợi phần trả lời của HS.

+ GV đặt câu hỏi: Các tỉnh này thuộc vùng kinh tế nào của nước ta? 🡪 Đồng bằng sông Hồng.

**2. Hình thành kiến thức mới (… phút)**

**Hoạt động 1: TÌM HIỂU VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ**

*a) Mục tiêu:*

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.

*b) Nội dung:*HS làm việc theo cặp, hoàn thành PHT.

*c) Sản phẩm:* Kết quả trong PHT và câu trả lời miệng của HS.

*d) Tổ chức thực hiện*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ HS làm việc theo cặp, hoàn thành PHT.

+ GV phát bản đồ trống 7 vùng kinh tế (đính kèm trong PHT).

+ GV yêu cầu HS dựa vào thông tin SGK, tập bản đồ/ Atlat. Hoàn thành phiếu học tập trên trong thời gian: 5’.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP**  HỌ VÀ TÊN …………………………………………………………………………………….  Vietnam Map Outline | Blank Map of Vietnam | Vietnam map, Map outline, Map  + Tô màu vùng Đồng bằng sông Hồng.  + Ghi tên các tỉnh ở vùng Đồng bằng sông Hồng. |
| + Diện tích vùng Đồng bằng sông Hồng: ………………………………………………..  + Tiếp giáp: …………………………………………….…………………………………….  ……………………………….……………………………….……………………………….  + Ý nghĩa của vị trí và phạm vi lãnh thổ: ………………………………………………………..  …………………………………………………..………………………………………………. |

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS làm việc theo nhiệm vụ được giao trong 5 phút.

**- Báo cáo, thảo luận:**

**+** GV gọi mỗi cặp trình bày 1 ý (gọi 1 cặp lên chỉ bản đồ: khoanh vùng vị trí của vùng; cặp khác trình bày vị trí tiếp giáp, …).

+ HS dưới lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét phần làm việc của HS, đưa ra thông tin đánh giá, chuẩn kiến thức

+ HS ghi bài.

**Hoạt động 2: TÌM HIỂU VỀ ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

*a) Mục tiêu:* Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông – lâm – thuỷ sản; vấn đề phát triển kinh tế biển.

*b) Nội dung:* Đọc nội dung các phiếu thông tin và trả lời câu hỏi kèm theo.

*c) Sản phẩm:*

- Kết quả làm việc theo nhóm, trạm.

- Đáp án trên phiếu và câu trả lời miệng của HS.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

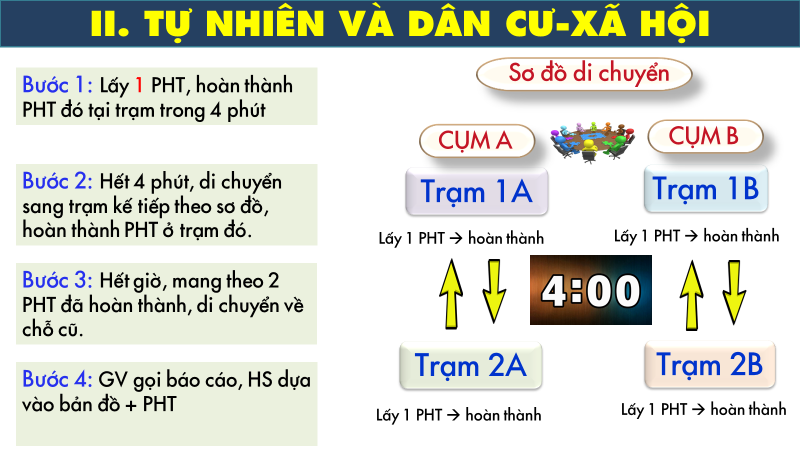
+ Bước 1: GV chia lớp thành 2 cụm, 4 nhóm, tại mỗi cụm mỗi nhóm lấy 1 PHT, hoàn thành PHT đó tại trạm trong 4 phút.

+ Bước 2: Hết 4 phút, di chuyển sang trạm kế tiếp theo sơ đồ, hoàn thành PHT ở trạm đó.

+ Bước 3: Hết giờ, mang theo 2 PHT đã hoàn thành, di chuyển về chỗ cũ.

+ Bước 4: HS dựa vào bản đồ + PHT để báo cáo trước lớp.

+ Sơ đồ di chuyển:



**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Lượt 1: Các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ trong 4 phút.

**PHT TRẠM 1**

**NHÓM…………….. TRẠM 1**

**THẾ MẠNH VỀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN PHÁT TRIỂN NÔNG – LÂM – THUỶ SẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân tố** | **Thế mạnh** |
| **Địa hình và đất** |  |
| **Khí hậu** |  |
| **Nước** |  |
| **Sinh vật** |  |

**PHT TRẠM 2**

**NHÓM…………….. TRẠM 2**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN, ĐẢO**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngành kinh tế biển** | **Thế mạnh** | **Cần lưu ý** | **Ý nghĩa** |
| **Khai thác và nuôi trồng hải sản** |  |  |  |
| **Du lịch biển đảo** |  |
| **Giao thông vận tải biển** |  |
| **Khai thác khoáng sản biển** |  |

+ Lượt 2: Các nhóm di chuyển sang trạm khác (cùng trong cụm) và thực hiện nhiệm vụ trong 4 phút.

+ GV theo dõi hỗ trợ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi lần lượt từng nhóm lên trả lời các câu hỏi trong PHT, lên bảng chỉ bản đồ.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ GV chuẩn kiến thức.

+ HS lắng nghe, ghi bài.

+ GV cung cấp thêm thông tin, hình ảnh, video về tự nhiên của vùng.

* Video: Hà Nội tiếp tục có mưa do không khí lạnh

https://www.youtube.com/watch?v=mYpEqnvA35I

* Hình ảnh:

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Vịnh Hạ Long - Vùng biển đảo CỰC PHẨM của Quảng Ninh.  Vịnh Hạ Long “đốn tim” du khách bằng quang cảnh thiên nhiên hùng vĩ, độc đáo với hình ảnh hàng trăm nghìn hòn đảo lớn nhỏ có hình thù khác nhau, thảm thực vật xanh mướt và nước biển trong vắt, êm đềm. Nhờ sở hữu vẻ đẹp thiên tạo tựa như tranh vẽ, vịnh Hạ Long đã được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên Thế giới vào năm 1994 và năm 2000. | |
|  | Du khách có thể gửi xe để trekking khoảng 1,5km hoặc đi xe máy, thuê xe ôm đưa lên lên tận đỉnh. Các bãi cỏ ở Phượng Hoàng rất thích hợp để khám phá, cắm trại cuối tuần. Lưu ý điểm đến còn hoang sơ và không có nhiều dịch vụ du lịch, chủ yếu khách tự mang đồ theo và tránh xả rác bừa bãi. Ảnh: Anh Kún |
| Núi Phượng Hoàng, Uông Bí – Quảng Ninh  Dãy núi Phượng Hoàng (hay Ba Tầng) thuộc bản 12 Khe phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, cách thành phố Hạ Long khoảng 50 km. Gần đây, Phượng Hoàng trở thành điểm đến ưa thích của những người mê cắm trại và chụp ảnh. Cuối năm là thời điểm đẹp để khám phá khu vực này vì các đồi cỏ chuyển màu vàng như rực cháy, tiết trời mát mẻ và không còn nắng gay gắt như mùa hè. | |
| Nông dân Thị trấn Nam Giang (Nam Trực – Nam Định) chăm sóc cây khoai tây vụ đông. | |

**Hoạt động 3: TÌM HIỂU VỀ** **ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ****, XÃ HỘI**

*a) Mục tiêu:* Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng; vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội.

*b) Nội dung:*HS tham gia trò chơi NHÌN HÌNH ĐOÁN Ý để tìm các từ khóa về “**Dân cư, nguồn lao động, vấn đề đô thị hóa và vị thế của thủ đô Hà Nội”** sau đó kết nối các từ khóa để phân tích các đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng; đồng thời phân tích vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng và phân tích vị thế của Thủ đô Hà Nội.

*c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh và đáp án trong bảng nhóm.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Làm việc theo nhóm, chuẩn bị bảng nhóm, bút, xóa bảng.

+ GV gọi 1 bạn lên bảng bốc thăm từ khóa và vẽ nhanh hình lên bảng (hoặc GV có thể vẽ).

+ Khi HS lên bảng vẽ, các nhóm nhìn hình vẽ, viết nhanh từ khóa vào bảng nhóm. Nhóm nào viết đúng nhiều từ khóa nhất là nhóm chiến thắng. Sau mỗi từ khóa được tìm ra, GV ghi lên bảng từ khóa đó để HS dễ nhìn trong phần khái quát kiến thức.

+ Lưu ý: HS lên bảng vẽ không được nói, chỉ được vẽ hình, không được viết ra từ khóa, HS được phép viết số cho biết từ khóa đó có bao nhiêu từ.

|  |  |
| --- | --- |
| Các từ khóa | * Đông dân * Lao động dồi dào * Nông thôn * Đồng bằng * Trình độ cao * Thất nghiệp * Trung tâm hàng đầu. |

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS thực hiện nhiệm vụ nghiêm túc.

+ GV quan sát, hỗ trợ.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ Thực hiện xong trò chơi, GV yêu cầu HS dựa vào SGK, kết nối các từ khóa để phân tích các đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng; đồng thời phân tích vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng và phân tích vị thế của Thủ đô Hà Nội.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ GV chuẩn kiến thức.

+ GV cung cấp thêm thông tin, hình ảnh, video về dân cư xã hội của vùng.

* Video: 9 Điều Thú Vị Nhất về Hà Nội mà 99% Bạn Chưa Hề Biết

<https://www.youtube.com/watch?v=Ynu8WAyIW18>

* Hình ảnh: https://laodong.vn/ban-doc/da-co-hon-76000-lao-dong-tai-ha-noi-nhan-tro-cap-that-nghiep-1277974.ldo

|  |  |
| --- | --- |
| Đã có hơn 76.000 lao động tại Hà Nội nhận trợ cấp thất nghiệp |  |
| BHXH Thành phố Hà Nội vừa thông tin, trong 11 tháng năm 2023, ngành đã chi trả chế độ trợ cấp từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho hơn 76.000 lao động. Cùng với đó, các bên giải quyết, tạo điều kiện cho hơn 500 lao động thuộc đối tượng hưởng BHTN tham gia học nghề trình độ sơ cấp.  So với cùng kỳ năm 2022, số lao động hưởng BHTN năm 2023 trên địa bàn Thành phố Hà Nội tăng hơn 10.000 người (11 tháng năm 2022, chi trả chế độ cho gần 65.000 người hưởng).  Số lượng người hưởng BHTN tăng phần nào cho thấy sự khó khăn về công tác giải quyết, duy trì việc làm cho người lao động trong năm 2023.  Nhằm bảo đảm đời sống, an sinh cho người lao động, một mặt các cơ quan chức năng Thành phố Hà Nội phối hợp triển khai nhiều giải pháp giữ ổn định về việc làm cho người lao động vào thời điểm cuối năm 2023; đồng thời tạo ra nhiều vị trí việc làm mới, giúp nhóm lao động thất nghiệp sớm trở lại thị trường lao động. | |
| hang-nghin-nguoi-chen-chuc-nhu-kien-vi-ket-xe-ha-noi-2 | nguoi-chen-chuc-nhu-kien-vi-ket-xe-o-ha-noi-1  Hà Nội: Cấm xe máy, mỗi người mua 1 ô tô chạy là hết kẹt xe |
| Kẹt xe ở Hà Nội | |

**Hoạt động 4: TÌM HIỂU VỀ** **SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH KINH TẾ**

*a) Mục tiêu:* Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

*b) Nội dung:* Các nhóm thiết kế slide thuyết trình về sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

*c) Sản phẩm:* Slide PPT và câu trả lời của học sinh.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV yêu cầu các nhóm về nhà thiết kế slide thuyết trình về sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

+ Phân công nhiệm vụ:

* *Nhóm 1: Trình bày khái quát chung sự phát triển kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng.*
* *Nhóm 2: Trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành nông -lâm – thủy sản.*
* *Nhóm 3: Trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành công nghiệp.*
* *Nhóm 4: Trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành dịch vụ.*

+ Yêu cầu trong slide có tên nhóm, chủ đề, đầy đủ nội dung, hình ảnh, icon minh họa, video liên quan đến nội dung.

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS làm việc ở nhà, tiết sau trình bày trước lớp.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi lần lượt từng nhóm lên trình bày.

+ Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi để tìm hiểu nội dung bài sâu hơn.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ GV chuẩn kiến thức và cho HS xem video mở rộng.

+ GV cung cấp thêm thông tin, hình ảnh, video về kinh tế của vùng.

* Video: <https://www.youtube.com/watch?v=vPfbVEjr_ZI>
* Hình ảnh:

|  |  |
| --- | --- |
| Khu du lịch sinh thái Tràng An | khu du lịch Tràng An |
| Khu du lịch sinh thái Tràng An – Ninh Bình  Quần thể Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Tràng An nằm trên địa bàn nhiều huyện của tỉnh Ninh Bình. Đây là di sản “kép” duy nhất của nước ta được UNESCO công nhận. Quần thể di sản này gồm liên khu danh thắng Tràng An - Tam Cốc - Bích Động - cố đô Hoa Lư - rừng đặc dụng Hoa Lư.  Trong quần thể ấy, cố đô Hoa Lư tọa lạc ở phía Bắc; Tam Cốc - Bích Động nằm ở phía Nam; còn khu du lịch Tràng An nằm ở vị trí trung tâm. Từ trung tâm thành phố Ninh Bình, du khách chỉ cần đi thêm khoảng 8km là có thể tới đây. Nơi đây hấp dẫn du khách bởi tuyệt cảnh non nước hữu tình, những điểm du lịch tâm linh nổi tiếng, những lễ hội độc đáo và đặc sản hấp dẫn.  Mỗi mùa xuân - hạ - thu - đông, Tràng An lại khoác lên mình một tấm áo mới. Và mỗi thời điểm trong năm, du khách đều tìm thấy những điều đáng khám phá nơi đây:  Mùa xuân, du khách được hòa mình vào những lệ hội đặc sắc như: Lễ hội Tràng An (giữa tháng 3 âm lịch); hội Cờ Lau (mồng 8 - 10 tháng 3 âm lịch).  Mùa hè nơi đây đẹp mê hồn với đồng lúa chín vàng hay đầm sen ngát hương thơm.  Mùa thu, thời tiết mát mẻ, dễ chịu, rất lý tưởng cho những hoạt động tham quan, khám phá ngoài trời.  Mùa đông, Tràng An ẩn hiện trong làn sương mờ ảo tựa chốn bồng lai tiên cảnh.  <https://www.traveloka.com/vi-vn/explore/destination/khu-du-lich-trang-an/182719> | |
|  |  |
| Chùa Tam Chúc được xem là ngôi chùa lớn nhất thế giới tính đến hiện tại- được mệnh danh “Hạ Long trên cạn”. Chùa tọa lạc trong quần thể khu du lịch Tam Chúc thơ mộng, trữ tình.  Chùa Tam Chúc chiếm 144 ha trong tổng số diện tích 5.100 ha của Khu du lịch quốc gia Tam Chúc. Đây là điểm du lịch có quy mô lớn, kết hợp giữa du lịch tâm linh, sinh thái và nghỉ dưỡng.  Cùng với chùa Hương (Hà Nội) và chùa Bái Đính (Ninh Bình), ba ngôi chùa này liên kết với nhau trở thành trục du lịch tâm linh lớn bậc nhất Việt Nam, thu hút đông du khách thập phương về thăm quan, thưởng lãm.  <https://thanhnien.vn/ban-da-toi-ngoi-chua-lon-nhat-the-gioi-o-ha-nam-chua-1851514892.htm> | |

**3. LUYỆN TẬP (… phút)**

*a) Mục tiêu:*

*-* Kiểm tra, củng cố và ôn tập lại nội dung đã học.

*b) Nội dung:* HS làm việc cá nhân, mỗi HS được phát 1 PHT, HS chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống.

*c) Sản phẩm:*

- Đáp án trong PHT.

- Câu trả lời miệng của HS.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ HS làm việc cá nhân, mỗi HS được phát 1 PHT, HS chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống.

+ Thời gian hoàn thành PHT: 15 phút.

+ Hết giờ, đổi bài chấm chéo, mỗi ý đúng được 0,5 điểm.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP ĐIỀN KHUYẾT**  **HỌ VÀ TÊN ………………………………………….…… LỚP……..ĐIỂM…………….** |
| - Đồng bằng sông Hồng gồm (1) …………… tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương.  - Đồng bằng sông Hồng có diện tích (2) ……………, chiếm khoảng 6,4% diện tích cả nước (năm 2021).  - Đồng bằng sông Hồng có đất (3) …………… thuận lợi cho sản xuất lương thực – thực phẩm.  - Đồng bằng sông Hồng có một mùa đông lạnh thích hợp với phát triển các loại cây trồng (4) …………….  - Trong quá trình phát triển kinh tế biển, cần lưu ý (5) …………….  - Việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, đảo của vùng sẽ đem lại (6) …………….  - Đồng bằng sông Hồng là vùng (7) ……………nhất cả nước với 23,2 triệu người (chiếm 23,6% số dân cả nước năm 2021).  - Lao động của vùng dồi dào, cần cù, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất (8) …………….  - Chất lượng lao động (9) ……………cả nước và ngày càng được cải thiện.  - Mức độ đô thị hoá (10) ……………so với cả nước. Năm 2021 tỉ lệ dân thành thị là 37,6%.  - (11) …………… hiện nay là trung tâm, động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng vùng động lực phía Bắc.  - Đồng bằng sông Hồng là vùng trọng điểm sản xuất (12) ……………thứ hai của cả nước, sau vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  - Hiện nay, vùng đang đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng (13) ……………  - Các trung tâm công nghiệp quan trọng nhất của vùng là (14) …………….  - Vùng đang định hướng phát triển ngành công nghiệp theo hướng (15) ……………  - Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GRDP của vùng (chiếm 42,1% năm 2021) và đang phát triển theo hướng (16) …………… |

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ Hết giờ, đổi bài chấm chéo, dò với đáp án GV đưa ra, mỗi ý đúng được 0,5 điểm.

+ HS ghi điểm trên phiếu.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV khen ngợi sự tích cực của các HS.

+ GV chuẩn kiến thức cho cả lớp.

+ HS lắng nghe, sửa bài sai.

**4. VẬN DỤNG (… phút)**

*a) Mục tiêu:* Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn liên quan.

*b) Nội dung:* Làm việc cá nhân: HS chọn 1 trong các nhiệm vụ sau:

1. Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về Thủ đô Hà Nội và viết 1 đoạn văn ngắn giới thiệu về vị thế của Thủ đô Hà Nội.

2. Tìm hiểu tư liệu và giới thiệu về một số điểm du lịch ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

3. Sưu tầm thông tin về một trung tâm công nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

*c) Sản phẩm:*

Bài làm và câu trả lời của học sinh.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ HS chọn 1 trong các nhiệm vụ sau:

1. Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về Thủ đô Hà Nội và viết 1 đoạn văn ngắn giới thiệu về vị thế của Thủ đô Hà Nội.

2. Tìm hiểu tư liệu và giới thiệu về một số điểm du lịch ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

3. Sưu tầm thông tin về một trung tâm công nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

+ Thời gian: 15 phút (trên lớp) hoặc cho về nhà làm tiết sau thu bài.

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS nhiệm vụ nghiêm túc.

+ GV quan sát, hỗ trợ.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi 3 bài làm tốt nhất trình bày trước lớp.

+ Các HS khác lắng nghe và đặt câu hỏi.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV khen ngợi sản phẩm của các HS.

+ GV tổng kết, chốt vấn đề.

# IV. RÚT KINH NGHIỆM

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

**V. PHỤ LỤC**

**1/ NỘI DUNG GHI BÀI**

|  |
| --- |
| **I. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**  - Gồm 11 tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương là: Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình;  - Diện tích 21,3 nghìn km2, chiếm khoảng 6,4% diện tích cả nước (năm 2021).  - Đồng bằng sông Hồng có vùng biển rộng với hàng nghìn đảo, quần đảo và có 4 huyện đảo: Cát Hải, Bạch Long Vĩ (Hải Phòng); Cô Tô, Vân Đồn (Quảng Ninh).  - Vùng giáp với Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ; Trung Quốc.  - Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông phát triển bậc nhất so với cả nước.  - Vùng có vị trí đặc biệt quan trọng, trong đó, Thủ đô Hà Nội là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá,... của cả nước.  🡺 Ý nghĩa: kết nối thuận lợi với các vùng trong nước và các quốc gia trong khu vực.  **II. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**  **1. Thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên**  *— Địa hình, đất*: Địa hình đồng bằng chiếm phần lớn diện tích với đất phù sa màu mỡ; địa hình đồi núi phân bố ở Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, chủ yếu là đất fe-ra-lit; vùng ven biển có nhiều vũng, vịnh, các đảo và quần đảo,... thuận lợi cho trồng cây lương thực, thực phẩm, cây ăn quả, phát triển lâm nghiệp và thuỷ sản.  *– Khí hậu* nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, thuận lợi để đa dạng hoá cơ cấu cây trồng, phát triển vụ đông thành vụ sản xuất chính với các sản phẩm rau, hoa,  quả đặc trưng.  *– Nguồn nước:* Vùng có mạng lưới sông ngòi dày đặc với hai hệ thống sông lớn là sông Hồng và sông Thái Bình, nhiều ao, hồ; nguồn nước ngầm khá dồi dào, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản.  *– Sinh vật* phong phú, hệ sinh thái đa dạng và có nhiều loài đặc hữu. Rừng tự nhiên và rừng trồng tập trung chủ yếu ở rìa đông bắc, rừng ngập mặn phát triển ở khu vực ven biển, đây là thế mạnh để vùng phát triển lâm nghiệp,...  **2. Thế mạnh phát triển kinh tế biển đảo**  *Đồng bằng sông Hồng có vùng biển rộng lớn, với nhiều đảo và quần đảo, bờ biển kéo dài từ Quảng Ninh đến Ninh Bình, thuận lợi để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.*  - *Ngành khai thác và nuôi trồng hải sản:* Vùng có ngư trường Hải Phòng – Quảng Ninh, nhiều vũng, vịnh và nguồn hải sản có giá trị là điều kiện để phát triển khai thác, nuôi trồng thuỷ sản.  - *Giao thông vận tải biển*: Bờ biển dài, có nhiều cửa sông thuận lợi cho xây dựng các cảng biển và phát triển giao thông vận tải biển.  - *Du lịch biển, đảo:* Hệ thống các đảo, vịnh, bãi biển (vịnh Hạ Long, đảo Cát Bà,...) là lợi thế để phát triển du lịch biển đảo.  *- Khai thác khoáng sản biển:* vùng còn có tiềm năng về khí tự nhiên, muối,... thuận lợi để phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản biển.  🡺 *Cần lưu ý:* tránh khai thác quá mức các nguồn hải sản gần bờ, bảo vệ môi trường biển đảo.  🡺 *Ý nghĩa:* Phát triển kinh tế biển đảo có vai trò quan trọng đối với vùng Đồng bằng sông Hồng nói riêng và cả nước nói chung, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo vệ an ninh quốc phòng, bảo vệ chủ quyền quốc gia.  **III. Đặc điểm về dân cư và xã hội**  **1. Đặc điểm dân cư, nguồn lao động**  - Đồng bằng sông Hồng là vùng có số dân đông. Năm 2021, quy mô dân số là 23,2 triệu người, chiếm 23,6 % dân số cả nước; tỉ lệ gia tăng dân số là 1,3 %; tỉ trọng dân số từ 15 – 64 tuổi chiếm 65,1 %, tỉ số giới tính là 98,5 nam/100 nữ.  - Vùng là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc như: Kinh, Mường, Sán Chay, Sán Dìu, Tày,...  - Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước. Năm 2021, mật độ dân số của vùng là 1091 người/km, các địa phương có mật độ dân số cao là Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng,...  - Tỉ lệ dân thành thị chiếm 37,6 % dân số toàn vùng.  - Vùng có nguồn lao động dồi dào, chiếm 65,1 % dân số của vùng (năm 2021).  - Chất lượng lao động ngày càng nâng cao và đứng đầu cả nước. Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo đạt khoảng 37 % (cả nước là 26,1 %, năm 2021).  - Lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, số lượng lao động có trình độ chuyển môn kĩ thuật cao.  🡺 Đặc điểm dân cư, lao động đã tạo lợi thế quan trọng để vùng phát triển kinh tế – xã hội, thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, dân cư và lao động cũng gây sức ép đến vấn đề việc làm, nhà ở, môi trường,…  **2. Vấn đề đô thị hoá**  - Đồng bằng sông Hồng có quá trình đô thị hoá diễn ra sớm. Các đô thị có lịch sử hình thành từ lâu đời như: Cổ Loa (đô thị đầu tiên của Việt Nam), Phố Hiến, Hoa Lư,...  - Trong những thập kỉ gần đây, quá trình đô thị hoá của vùng gắn liền với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.  - Đồng bằng sông Hồng là một trong những vùng có tỉ lệ dẫn thành thị cao nhất nước ta, năm 2021 là 37,6 %.  - Vùng có mạng lưới đô thị dày đặc, một số đô thị mới hình thành trong thời gian gần đây, quy mô nhiều đô thị mở rộng. Các đô thị là hạt nhân phát triển vùng; liên kết với các trung tâm kinh tế và có vai trò kết nối, tạo hiệu ứng lan toả, thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng và các vùng phụ cận.  - Xu hướng của vùng là phát triển các đô thị vệ tinh để giảm sức ép tại các đô thị lớn, phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, đô thị hoà bình.  - Tuy nhiên, sự tập trung đông dân cư vào một số đô thị lớn cũng gây khó khăn trong vấn đề giải quyết việc làm, nhà ở và quá tải về cơ sơ hạ tầng đô thị,...  **3. Vị thế của Thủ đô Hà Nội**  - Hà Nội là Thủ đô của nước ta, có vị thế đặc biệt quan trọng đối với cả nước, là trung tâm đầu não chính trị – hành chính quốc gia, trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục và giao dịch quốc tế.  - Hà Nội hội tụ nhiều tiềm năng phát triển kinh tế. Năm 2021, GRDP của Hà Nội chiếm khoảng 42 % GRDP của vùng Đồng bằng sông Hồng và 12,6 % GDP của cả nước, chiếm 4,7 % trị giá xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ, chiếm 9,0 % vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của cả nước.  - Hiện nay, Hà Nội là cực tăng trưởng chủ đạo của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và vùng kinh tế động lực phía Bắc. Trong tương lai, Hà Nội sẽ có trình độ phát triển ngang tầm với thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.  **IV. Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế**  - Đồng bằng sông Hồng là vùng động lực phát triển kinh tế hàng đầu của nước ta, có đóng góp lớn cho nền kinh tế của cả nước. Năm 2021, vùng chiếm 30,5 % GDP của cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tỉ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ cao, chiếm 84,7 % GRDP của vùng năm 2021.  **1. Công nghiệp**  - Ngành công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng được hình thành từ rất sớm, giá trị sản xuất công nghiệp ngày càng tăng. Năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp của vùng đóng góp 37,9 % giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước.  - Các ngành công nghiệp của vùng đa dạng, chiếm tỉ trọng cao là: sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; cơ khí chế tạo (sản xuất, lắp ráp xe ô tô, xe máy,...). Các ngành công nghiệp dựa trên lợi thế về lao động và tài nguyên phát triển khá mạnh như: công nghiệp khai thác than; sản xuất xi măng; công nghiệp dệt, may và giày, dép; công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống....  - Các trung tâm công nghiệp của vùng là: Hà Nội; Hải Phòng; Phúc Yên (Vĩnh Phúc); Cẩm Phả, Hạ Long (Quảng Ninh); Từ Sơn (Bắc Ninh);...  - Trong những năm gần đây, dưới tác động của khoa học – công nghệ, cùng với vị thế của vùng nên Đồng bằng sông Hồng đã tái cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, chú trọng phát triển công nghiệp xanh.  **2. Dịch vụ**  - Năm 2021, ngành dịch vụ đóng góp khoảng 42% GRDP của vùng. Cơ cấu dịch vụ đa dạng, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội của vùng và cả nước.  **a) Giao thông vận tải**  - Đồng bằng sông Hồng đứng đầu cả nước về khối lượng vận chuyển hàng hoá, chiếm 36,4 % của cả nước năm 2021.  - Vùng có mạng lưới giao thông vận tải phát triển với đầy đủ loại hình, hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ và hiện đại nhất cả nước.  - Các tuyến đường bộ quan trọng là: quốc lộ 1, 5, 18,..; các tuyến đường cao tốc chất lượng cao (Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh) và nhiều tuyến đường sắt xuất phát từ Hà Nội.  - Vùng có 3 cảng hàng không quốc tế: Nội Bài (Hà Nội), Cát Bi (Hải Phòng), Vân Đồn (Quảng Ninh); Hải Phòng, Quảng Ninh là các cảng lớn của vùng; trong đó Hải Phòng là cảng đặc biệt, cảng cửa ngõ lớn nhất miền Bắc.  - Vùng tập trung một số đầu mối giao thông vận tải quan trọng, trong đó Hà Nội là đầu mối giao thông quan trọng nhất Việt Nam.  **b) Thương mại**  - Hoạt động nội thương của vùng phát triển, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cao, tăng liên tục và chiếm 25,9 % cả nước năm 2021. Vùng tập trung nhiều trung tâm thương mại.  - Hà Nội là trung tâm thương mại lớn nhất, là cầu nối các hoạt động thương mại của vùng với thị trường thế giới.  - Hoạt động ngoại thương được đẩy mạnh, trị giá xuất khẩu tăng không ngừng và chiếm 33,8 % trị giá xuất khẩu của cả nước. Các địa phương có trị giá xuất khẩu lớn là: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Ninh.  **c) Du lịch**  - Đồng bằng sông Hồng có tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế. Vùng là nơi thu hút được nhiều khách du lịch trong và ngoài nước.  - Tổng thu du lịch của vùng chiếm khoảng 25 % tổng thu du lịch của cả nước (năm 2021).  - Các sản phẩm du lịch đặc trưng là du lịch văn hoá (gắn với giá trị của nền văn minh sông Hồng), du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch biển đảo,...  - Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long là ba trung tâm du lịch lớn ở phía Bắc.  **d) Tài chính ngân hàng**  - Hoạt động tài chính ngân hàng phát triển rộng khắp, trong đó Hà Nội là trung tâm tài chính ngân hàng hàng đầu của cả nước, tiếp đến là Hải Phòng, Quảng Ninh,...  - Xu hướng phát triển của vùng là đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ tài chính, ngân hàng phù hợp với nhiều loại hình doanh nghiệp, mô hình kinh doanh, thị trường tiêu dùng, mức độ ứng dụng công nghệ, đồng thời tăng cường chuyển đổi số.  **3. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản**  - Đồng bằng sông Hồng là một trong những vùng sản xuất lương thực, thực phẩm lớn ở nước ta. Năm 2021, giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản của vùng chiếm 15,8 % giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản cả nước.  *- Nông nghiệp* có sự đa dạng về cây trồng, vật nuôi; trong đó, lúa là cây lương thực chính, được trồng nhiều ở Thái Bình, Hà Nội, Nam Định, Hải Dương,...  + Hiện nay, đồng bằng sông Hồng đã hình thành các vùng chuyên canh lúa, rau, cây ăn quả,... Chăn nuôi lợn, gia cầm phân bố rộng khắp.  + Vùng đang ứng dụng công nghệ, chăn nuôi quy mô công nghiệp cho năng suất và chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân.  *- Lâm nghiệp:* Năm 2021, sản lượng gỗ khai thác của vùng đạt 670,3 nghìn m3, tập trung chủ yếu ở Quảng Ninh. Vùng đẩy mạnh hoạt động trồng rừng kết hợp với bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển. Diện tích rừng trồng mới của vùng đạt gần 14 nghìn ha (năm 2021), phân bố chủ yếu ở Quảng Ninh.  *- Thuỷ sản:* Sản lượng thuỷ sản của vùng chiếm gần 14 % sản lượng thuỷ sản của cả nước (năm 2021), trong đó chủ yếu là thuỷ sản nuôi trồng. Các địa phương có sản lượng thuỷ sản lớn là: Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng, Quảng Ninh. Đồng bằng sông Hồng đang đẩy mạnh nuôi trồng thuỷ sản theo hướng sinh thái, hữu cơ gắn với bảo vệ môi trường. |

**2/ Phản hồi PHT**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP**  HỌ VÀ TÊN …………………………………………………………………………….  Vietnam Map Outline | Blank Map of Vietnam | Vietnam map, Map outline, Map  + Tô màu vùng Đồng bằng sông Hồng.  + Ghi tên các tỉnh ở vùng Đồng bằng sông Hồng: *Gồm 11 tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương là: Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.* |
| + Diện tích vùng Đồng bằng sông Hồng: *21,3 nghìn km2, chiếm khoảng 6,4% diện tích cả nước (năm 2021).*  + Tiếp giáp: *Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ; Trung Quốc.*  + Ý nghĩa của vị trí và phạm vi lãnh thổ: *kết nối thuận lợi với các vùng trong nước và các quốc gia trong khu vực.* |

**PHT TRẠM 1**

**NHÓM…………….. TRẠM 1**

**THẾ MẠNH VỀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN PHÁT TRIỂN NÔNG – LÂM – THUỶ SẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân tố** | **Thế mạnh** |
| **Địa hình và đất** | *— Địa hình, đất*: Địa hình đồng bằng chiếm phần lớn diện tích với đất phù sa màu mỡ; địa hình đồi núi phân bố ở Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, chủ yếu là đất fe-ra-lit; vùng ven biển có nhiều vũng, vịnh, các đảo và quần đảo,... thuận lợi cho trồng cây lương thực, thực phẩm, cây ăn quả, phát triển lâm nghiệp và thuỷ sản. |
| **Khí hậu** | *– Khí hậu* nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, thuận lợi để đa dạng hoá cơ cấu cây trồng, phát triển vụ đông thành vụ sản xuất chính với các sản phẩm rau, hoa, quả đặc trưng. |
| **Nước** | *– Nguồn nước:* Vùng có mạng lưới sông ngòi dày đặc với hai hệ thống sông lớn là sông Hồng và sông Thái Bình, nhiều ao, hồ; nguồn nước ngầm khá dồi dào, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản. |
| **Sinh vật** | *– Sinh vật* phong phú, hệ sinh thái đa dạng và có nhiều loài đặc hữu. Rừng tự nhiên và rừng trồng tập trung chủ yếu ở rìa đông bắc, rừng ngập mặn phát triển ở khu vực ven biển, đây là thế mạnh để vùng phát triển lâm nghiệp,... |

**PHT TRẠM 2**

**NHÓM…………….. TRẠM 2**

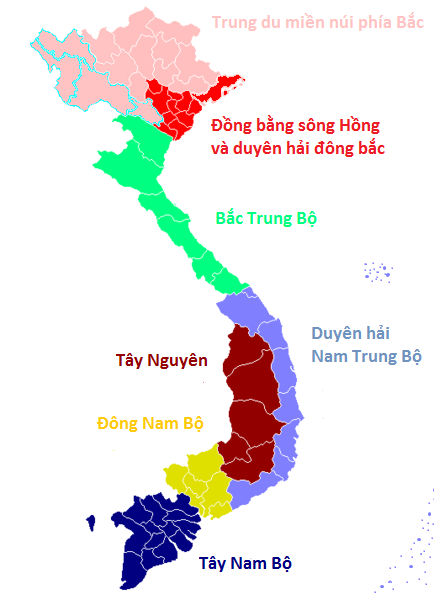
**PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN, ĐẢO**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngành kinh tế biển** | **Thế mạnh** | **Cần lưu ý** | **Ý nghĩa** |
| **Khai thác và nuôi trồng hải sản** | - *Ngành khai thác và nuôi trồng hải sản:* Vùng có ngư trường Hải Phòng – Quảng Ninh, nhiều vũng, vịnh và nguồn hải sản có giá trị là điều kiện để phát triển khai thác, nuôi trồng thuỷ sản. | 🡺 *Cần lưu ý:* tránh khai thác quá mức các nguồn hải sản gần bờ, bảo vệ môi trường biển đảo. | 🡺 *Ý nghĩa:* Phát triển kinh tế biển đảo có vai trò quan trọng đối với vùng Đồng bằng sông Hồng nói riêng và cả nước nói chung, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo vệ an ninh quốc phòng, bảo vệ chủ quyền quốc gia. |
| **Du lịch biển đảo** | - *Du lịch biển, đảo:* Hệ thống các đảo, vịnh, bãi biển (vịnh Hạ Long, đảo Cát Bà,...) là lợi thế để phát triển du lịch biển đảo. |
| **Giao thông vận tải biển** | - *Giao thông vận tải biển*: Bờ biển dài, có nhiều cửa sông thuận lợi cho xây dựng các cảng biển và phát triển giao thông vận tải biển. |
| **Khai thác khoáng sản biển** | *- Khai thác khoáng sản biển:* vùng còn có tiềm năng về khí tự nhiên, muối,... thuận lợi để phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản biển. |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP ĐIỀN KHUYẾT**  **HỌ VÀ TÊN ………………………………………….…… LỚP……..ĐIỂM…………….** |
| - Đồng bằng sông Hồng gồm (1) 11 tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương.  - Đồng bằng sông Hồng có diện tích (2) 21,3 nghìn km2, chiếm khoảng 6,4% diện tích cả nước (năm 2021).  - Đồng bằng sông Hồng có đất (3) phù sa màu mỡ thuận lợi cho sản xuất lương thực – thực phẩm.  - Đồng bằng sông Hồng có một mùa đông lạnh thích hợp với phát triển các loại cây trồng (4) cận nhiệt và ôn đới (ưa lạnh).  - Trong quá trình phát triển kinh tế biển, cần lưu ý (5) tránh khai thác quá mức các nguồn hải sản gần bờ và bảo vệ môi trường.  - Việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, đảo của vùng sẽ đem lại (6) hiệu quả kinh tế cao, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường biển và an ninh quốc phòng.  - Đồng bằng sông Hồng là vùng (7) đông dân nhất cả nước với 23,2 triệu người (chiếm 23,6% số dân cả nước năm 2021).  - Lao động của vùng dồi dào, cần cù, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất (8) nông nghiệp.  - Chất lượng lao động (9) cao nhất cả nước và ngày càng được cải thiện.  - Mức độ đô thị hoá (10) cao và tăng nhanh so với cả nước. Năm 2021 tỉ lệ dân thành thị là 37,6%.  - (11) Hà Nội hiện nay là trung tâm, động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng vùng động lực phía Bắc.  - Đồng bằng sông Hồng là vùng trọng điểm sản xuất (12) lương thực - thực phẩm thứ hai của cả nước, sau vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  - Hiện nay, vùng đang đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng (13) sinh thái, hữu cơ gắn với bảo vệ môi trường.  - Các trung tâm công nghiệp quan trọng nhất của vùng là (14) Hà Nội, Hải Phòng.  - Vùng đang định hướng phát triển ngành công nghiệp theo hướng (15) hiệu quả, bền vững, công nghiệp xanh.  - Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GRDP của vùng (chiếm 42,1% năm 2021) và đang phát triển theo hướng (16) hiện đại, đa dạng. |

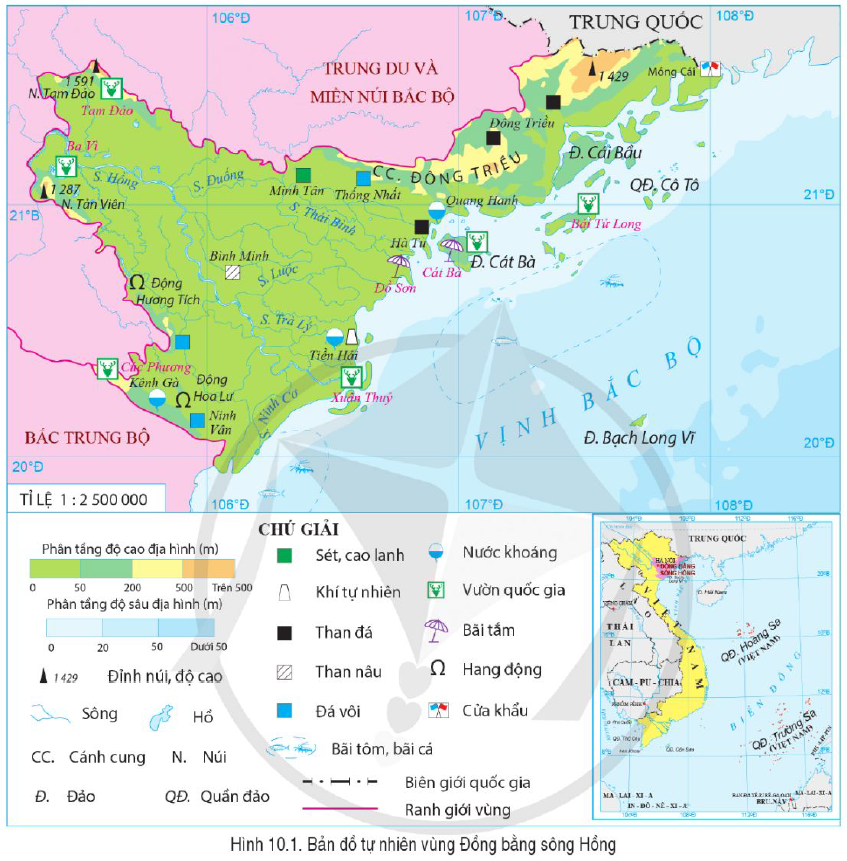
**3/ Các tài liệu khác**

* <https://www.youtube.com/watch?v=XKHueRiWo3g>
* <https://skhdt.binhdinh.gov.vn/vi/news/quy-hoach-ke-hoach/phe-duyet-quy-hoach-vung-dong-bang-song-hong-thoi-ky-2021-2030-tam-nhin-den-nam-2050-769.html>





****

****